TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H B
THÀNH PHỐ H P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HS-ST
Ngày 24-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H B, THÀNH PHỐ H P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn HG;

Ông Nguyễn Minh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị HG Thảo - Thư ký Toà án nhân dân quận H B, thành phố H P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H B, thành phố H P tham gia phiên tòa: Ông Tô Việt Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H B, thành phố H P xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 128/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

P Q H, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1992 tại H P. Nơi ĐKHKTT: Số 2 T L, phường T L, quận H B, thành phố H P; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà P K O (đã chết); chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 47/2012/HSST ngày 28/8/2012 của Toà án nhân dân quận H B, thành phố H P xử phạt 15 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" (chưa xoá án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 22/2016/HSST ngày 27/4/2016 của Toà án nhân dân quận H B, thành phố H P xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (đã xoá án tích); bị tạm giam từ ngày 14/5/2024; có mặt.

Bị hại:

- Bà N T H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 4/37 H L, phường H L, quận H B, thành phố H P; vắng mặt.

- Bà N K T, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 77/93 V K, phường T L, quận H B, thành phố H P; vắng mặt.

- Bà N T D, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 7/71 V K, phường T L, quận H B, thành phố H P; vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà T T T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 12/6/229 H K, phường H K, quận L C, thành phố H P; vắng mặt.

NỘI DG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội DG vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy nên P Q H thường xuyên lang thang trên địa bàn phường H L và T L, quận H B, thành phố H P xem ai sơ hở để trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Rạng sáng ngày 22/4/2024, tại khu vực trước cửa nhà số 4/37 H L, H B, H P, UYH phát hiện bà N T H để nhiều bàn inox, ghế nhựa các loại, có khóa dây nhưng không có ai trông coi, UYH mang theo 01 kìm cộng lực rồi một mình điều khiển xe ba gác có gắn động cơ (mượn của nam TH niên không rõ nhân thân, lai lịch) đến, dùng kìm cộng lực cắt khóa dây và lần lượt bê 05 bàn inox và 29 ghế nhựa lên thùng xe, chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn tại số 102 C NG, A Đ, A D, H P bán cho bà T T T được 700.000 đồng.

Khoảng 02 giờ sáng ngày 05/5/2024, UYH một mình đạp xe đạp, mang theo kìm bấm để xem ai sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến đầu ngõ số 93 V K, T L, H B, H P, UYH phát hiện thấy 01 xe lôi ba bánh của bà N K T để trước cửa nhà, có khóa dây nhưng không có người trông coi. UYH dùng kìm bấm cắt khóa, sau đó ngồi lên xe đạp, một tay cầm lái, một tay cầm vào phần tay kéo của xe, vừa đạp xe, vừa kéo đến cửa hàng thu mua sắt vụn số 102 C NG, A Đ, A D, H P, bán cho bà TH được 300.000 đồng.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 06/5/2024, UYH tiếp tục mang chiếc kìm bấm và đạp xe đạp cầm đến đầu ngõ 71 V K, T L, H B, H P phát hiện 01 xe xích lô của bà N T D có khóa bấm ở bánh sau, không có ai trông coi. UYH ngồi lên xe đạp, một tay lái xe, một tay cầm vào phần yên phía sau xe xích lô, nhấc phần đuôi xe lên để 02 bánh trước chạm đất, sau đó đạp xe đồng thời kéo xe xích lô đến cửa hàng thu mua sắt vụn số 102 C NG, A Đ, A D, H P bán cho bà TH được 600.000 đồng.

Tổng số tiền 1.600.000 đồng từ việc bán tài sản trộm cắp, UYH tiêu xài cá nhân hết. Ngày 07/5/2024, UYH đến Công an phường T L trình diện và giao nộp 01 kìm bấm kích thước 19x5,5cm, tay cầm bọc nhựa màu đỏ dài 12cm. Đối với 01 kìm cộng lực, 01 xe ba gác có gắn máy, 01 xe đạp là công cụ, pHG tiện UYH khai sử dụng trong quá trình trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Ngày 07, 08/5/2024, bà T T T đến Công an giao nộp 01 xe xích lô, 01 xe lôi ba bánh, 05 bàn inox và 29 ghế nhựa.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1097/KL-HĐĐGTS ngày 13/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H Bkết luận: Tổng giá trị thiệt hại các tài sản cần định giá là 4.085.000 đồng, gồm: 05 bàn inox, 14 ghế nhựa lùn và 15 ghế nhựa bành có giá trị 3.385.000 đồng; 01 xe lôi ba bánh (đã qua sử dụng) có giá trị 450.000 đồng; 01 xe xích lô (đã qua sử dụng) có giá trị 250.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 02 bàn inox 120x70cm, 03 bàn inox 116x70cm, 14 ghế nhựa lùn 23x23x25cm, 15 ghế nhựa bành 48,5x45,4x69,5cm là tài sản hợp pháp của bà N T H; 01 xe lôi ba bánh (đã qua sử dụng) 330x80,9x120cm là tài sản hợp pháp của bà N K T; 01 xích lô (đã qua sử dụng) 330x70x120cm là tài sản hợp pháp của bà N T D, Cơ quan điều tra đã trả lại bà HG, bà TH và bà DG. 01 kìm bấm có phần tay cầm bọc nhựa màu đỏ dài 12cm đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận H B.

Về trách nhiệm dân sự: Bà N T H, bà N K T, bà N T D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 105/CT-VKSHB ngày 09/9/2024, Viện Kiểm sát nhân dân quận H B, thành phố H P truy tố bị cáo P Q H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo P Q H khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội DG bản cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân quận H Btruy tố.

Bị hại là các bà N T H, N K T, N T D đều vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt thể hiện đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Người có liên quan đến vụ án là bà T T T không yêu cầu bị cáo bồi thường những tài sản bà TH đã giao nộp tại cơ quan Công an.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội DG cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận H Bđề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: P Q H mức án từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; buộc bị cáo phải nộp lại số tiền bán tài sản do phạm tội mà có là 1.600.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước; đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 kìm bấm có phần tay cầm bọc nhựa màu đỏ dài 12cm và buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, tạo điều kiện để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận H B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại và người có liên quan đến vụ án là các bà N T H, N K T, N T D, T T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt. Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không đề nghị hoãn phiên tòa về sự vắng mặt của họ. Xét thấy bị hại, người có liên quan đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có liên quan, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, khẳng định: Do cần tiền tiêu xài nên từ ngày 22/4/2024 đến ngày 06/5/2024, tại khu vực trước cửa nhà số 4/37 H L, đầu ngõ số 71, 93 V K, T L, H B, H P, bị cáo P Q H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 05 bàn inox, 29 ghế nhựa, 01 xe lôi ba bánh, 01 xe xích lô của các bị hại với tổng giá trị chiếm đoạt theo Kết luận định giá tài sản là 4.085.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân quận H B truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Nên, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm mới đủ tính răn đe của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và mức hình phạt:

[5.1] Trong các ngày 22/4/2024, 05/5/2024, 06/5/2024, bị cáo P Q H 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nhân thân bị cáo có 02 tiền án, trong đó 01 tiền án đã xoá án tích, 01 tiền án chưa được xoá án tích. Do đó, bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" và "tái phạm" quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Sau khi phạm tội, bị cáo đến Công an đầu thú. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm, không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7] Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần buộc bị cáo P Q H phải nộp lại số tiền 1.600.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

[8.1] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 kìm bấm kích thước 19x5,5cm, có tay cầm bọc nhựa màu đỏ dài 12cm. Xét đây là tài sản của bị cáo, bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, hiện không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu huỷ theo Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8.2] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[8.3] Đối với bà T T T, do bà TH làm nghề thu mua phế liệu, khi UYH đến bán các tài sản trên, UYH đều nói là đồ của gia đình không có nhu cầu sử dụng, bà TH không biết những tài sản mua của UYH là do UYH phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà TH là có căn cứ.

[8.4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo P Q H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo P Q H 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2024.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo P Q H phải nộp lại số tiền do phạm tội mà có là 1.600.000 (một triệu, sáu trăm nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) chiếc kìm bấm kích thước 19x5,5cm, có tay cầm bọc nhựa màu đỏ dài 12cm.

(*Đặc điểm vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 84/QĐ-VKSHB ngày 05/9/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận H B; Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2024 giữa Công an quận H Bvà Chi cục Thi hành án dân sự quận H B*)

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc bị cáo P Q H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Người có liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP H P;
- VKSND TP H P;
- VKSND quận H B;
- Công an TP H P;
- Cơ quan CSĐT Công an H B;
- Cơ quan THAHS Công an H B;
- Chi cục THADS H B;
- Trại Tạm giam H P;
- Sở Tư pháp H P;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến

TH□NH VIáN HỘI ĐỒNG XãT XỬ

THẨM PH□N - CHỦ TỌA PHIáN TêA

Trần Thị Hải Yến